

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Light

TOPSKATE S3S LOW

TOPSKATS3L

Giày sneaker retro S3S vư ợc **làm** tộ từ **da** l i dệ **da và** vả

giày th Mẫ **thao S3** l ấ y cảm hứ n g t từ **phong cách retro, mang** ự bả dế ê mái **thoáng khí và** độ **bám** chắc chắn , **lý** t ư ởn g **cho** **các công** ,đ hấp **ráp và** v ệ **sinh.**

Những vật liệu cao	Da l
lót bên trong	i tái chế lưới
trong Đ	ệm **chân SJ** Memory Foam
iữa đế g	ệt chống thủ Đ
ngoài Đ	Philon/cao su
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S3S / SR, FO, HI, HRO, CI, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.520 kg
ẩn hiêu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024

CE · WPA · HRO · HI · CI · 3FIT SYSTEM · NESKRID

CO₂ 8.38 kg



148



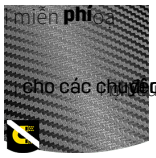
BLU



DGR



LGR



Kim l
Giày an toàn không có giày an toàn thông thường. Chúng cũng
miễn **phí** loạ
cho các chuyê



X
ESD cung cấp khả năng xả năng lượng tĩnh điện có kiểm soát có **thể làm** hỏng **các** bộ phận điện tử **và ngăn** chặn hỏa hoạn do tích điện.
00 KiloOhm và 100 MegaOhm.



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
nhẹ chống đâm thủng. Bao phủ
100% bề



Cách nhiệt **(HI)**
Giày bảo hộ cách nhiệt (HI) thường được mang trong môi
độ nóng. Nó
trong giày.



Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ cách
chân
a bạ



Mặt **trên** bằng **da thoáng khí**
Da tự nhiên
dụng linh hoạt

Công nghiệp n:

Biên t ập , Ngành công n ghiệp , Lĩnh vực ô tô, phục vụ ăn uố n g, Thự c phẩm & Dầu khi

ường: Môi t

Bề mặt cự c mịn, mềm, môi khô, môi ẩm ướt

Cac hương dân ba#o tri:

éo dài t Dây giày, chúng tôi khuyên bạn nên vệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo vệ chúng bằng phương pháp phù hợp. Không sử dụng lò s

K

	Sự miêu t ả	EN ISO 20345	ết quả	đơn vị đo lường
Những vật liệu, Da l cao cấp hơn				
	Top: khả năng chống mài mòn	? 0.8	10.6	mg/cm/giờ
	Top: hiệu suất chống	? 15	90.7	mg/cm2
ót bên trong	i tái chế			
	Lớp lót: khả năng chống mài mòn	? 2	31.08	mg/cm/giờ
	lót: hiệu suất chống	? 20	249	mg/cm2
rong	Đệm chân SJ Memory Foam			
	Đệm chân: Độ bền chống mài mòn (khô/ướt) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles	chu kỳ
goài	Đế Philon/cao su			
	Chỉ số ma sát đế ngoài (mài mòn)	? 150	133	mm
	Chức năng cơ bản - Ceramic + NaLS - Trượt gót về phía t	? 0.31	0.43	ma sát
	rượt cơ bản - Gốm + NaLS - Trượt lùi về phía t	? 0.36	0.39	ma sát
	rượt SR - Gốm + Glycerin - Trượt gót phía t	? 0.19	0.26	ma sát
	Chức năng SR - Gốm + Glycerin - Trượt gót về phía t	? 0.22	0.26	ma sát
	rị chỉ số Giá trị điện	0.1 - 1000	31.2	megaohm
	rị ESD Giá trị	0.1 - 100	29	megaohm
	Hấp thụ năng lượng gót chân của	? 20	30	J
Đ ước n g đầu	Nanocarbon			
	Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 100J)	N/A	N/A	mm
	Mũi bảo hộ chống nén (khoảng hở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A	mm
	Mũi giày an toàn chống va đập (khoảng cách sau va đập 200J)	? 14	19.0	mm
	Mũi giày an toàn chống nén (khoảng hở sau khi nén 15kN)	? 14	25.0	mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi. Giày này có thể thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự miêu t ả	ết quả	đơn vị đo lường
i CO# thải			
	V ật l iệu	6.10	kg
	Bao bì	0.12	kg
	ất Sản x u	1.90	kg
	Chuyên ch ở	0.26	kg
		8.38 kg CO2/cặp	

	Sự miêu t ả	ết quả	K
ệ vật l Tiệ ý tái ch ế			
	Product	9%	
	Bao bì	99%	

Tính toán CO2:

rị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] thay đổi.